Công ty TNHH Thống Nhất

Tỉnh Sóc Trăng

Số: _____/HĐ.XD.2017

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG

(Công trình 12 căn nhà Khu phố Nguyễn Huệ - Phường 3 – TP Sóc Trăng)

(Lô: K2)

I/ Căn cứ để ký kết hợp đồng.

- Căn cứ Luật xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 16/8/2014;

- Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;

- Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ.CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hoạt động xây dựng.

- Căn cứ công văn số 1430/UBND.HC ngày 25 tháng 8 năm 2016 của Chủ tịch UBND Thành phố Sóc Trăng về việc trển khai thực hiện xây dựng 12 căn nhà Khu phố Nguyễn Huệ, Phường 3, TP Sóc Trăng.

- Căn cứ Quyết định số 3541A/QĐHC.UBND ngày 07 tháng 02 năm 2017 của Chủ tịch UBND TP Sóc Trăng về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình 12 căn nhà Khu phố Nguyễn Huệ - Phường 3 – TP Sóc Trăng.

Hôm nay, ngày …… tháng …… năm 2017 tại văn phòng Công ty TNHH Thống Nhất, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

II/ Các bên ký kết hợp đồng.

1/ Bên giao thầu (gọi tắt là Bên A):

- Tên chủ hộ: **Lâm Chí Cường** Sinh năm: ……

- CMND số: …… cấp ngày: …… tại: ……

- Địa chỉ thường trú: ……

- Điện thoại số: ……

- Tài khoản (nếu có): …… tại NH: ……

- Mã số thuế: ……..

2/ Bên nhận thầu (gọi tắt là Bên B):

- Tên đơn vị: **Công ty TNHH Thống Nhất**

- Địa chỉ: 103 Trần Bình Trọng, Phường 2, TP Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Họ và tên, chức vụ người đại diện: Ông: Lê Hữu Định – Giám đốc công ty.

- Điện thoại: 079 3822198 Fax: 079 3617199

- Số tài khoản: 74210000000275 Tại: BIDV chi nhánh tỉnh Sóc Trăng.

- Mã số thuế: 2200161696

HAI BÊN THỎA THUẬN KÝ KẾT

HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG VỚI NHỮNG ĐIỀU KHOẢN SAU:

Điều 1: Nội dung công việc và sản phẩm của hợp đồng.

Bên A giao cho Bên B thực hiện thi công xây dựng một căn nhà thô trong dự án công trình xây dựng 12 căn nhà Khu phố Nguyễn Huệ, phường 3, TP Sóc Trăng. Có khối lượng, vật tư, diện tích, kết cấu theo hồ sơ đã được phê duyệt của UBND thành phố Sóc Trăng.

Điều 2: Chất lượng và các yêu cầu kỹ thuật.

Thực hiện đúng trình tự thủ tục XDCB, quản lý chất lượng công trình theo đúng qui định của Nhà nước.

Thi công theo đúng thiết kế được phê duyệt, đảm bảo sự bền vững và chính xác của các kết cấu xây dựng và thiết bị lắp đặt theo quy chuẩn, tiêu chuẩn Việt Nam.

Điều 3: Thời gian và tiến độ.

- Bên A giao 100% mặt bằng cho Bên B thi công đúng theo thời gian qui định.

- Bên B lập tiến độ chi tiết báo cáo cho Bên A để làm căn cứ hợp đồng.

- Thời gian thực hiện hợp đồng là: 06 tháng kể từ ngày Bên B nhận đủ mặt bằng và khởi công.

- Thời gian thi công có thể kéo dài trong các trường hợp:

+ Ảnh hưởng bởi điều kiện thời tiết mưa kéo dài hay lũ lụt ….

+ Các tác động khác ảnh hưởng đến tiến độ thi công nhưng không phải lỗi từ phía Bên B.

- Tất cả các trường hợp kéo dài thời gian phải được 2 bên chấp nhận được, Bên B không được kéo dài thời gian thi công.

Điều 4: Điều kiện nghiệm thu và bàn giao công trình.

4.1. Điều kiện nghiệm thu.

- Tuân thủ các qui định về quản lý chất lượng công trình.

- Bên B tổ chức nghiệm thu từng công việc xây dựng, từng bộ phận công trình xây dựng, từng hạng mục công trình đưa vào sử dụng. Đối với các bộ phận che khuất của công trình phải được nghiệm thu và vẽ bản vẽ hoàn công.

- Bên A chỉ nghiệm thu khi công trình hoàn thành thông qua Ban QLDA các CTXD thành phố Sóc Trăng và có đủ các hồ sơ quản lý chất lượng công trình theo qui định được cơ quan chức năng kiểm duyệt.

- Công trình được nghiệm thu đưa vào sử dụng khi đảm bảo đúng yêu cầu thiết kế, đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn qui định.

4.2. Điều kiện để bàn giao công trình đưa vào sử dụng.

- Đảm bảo các yêu cầu về nguyên tắc, nội dung và trình tự thủ tục bàn giao theo đúng qui định của pháp luật về XDCB.

- Khi nghiệm thu công trình phải có đủ các thành phần có liên quan theo qui định của pháp luật xây dựng.

Điều 5: Bảo hiểm và bảo hành công trình.

- Bên A chịu chi phí mua bảo hiểm theo qui định.

- Bên B mua bảo hiểm cho vật tư, thiết bị, nhà xưởng phục vụ thi công và người lao động trên công trường, bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ 3.

- Bảo hành công trình.

+ Bên B chịu trách nhiệm bảo hành công trình theo qui định.

+ Thời gian bảo hành: 12 tháng kể từ ngày bàn giao công trình đưa vào sử dụng.

+ Số tiền bảo hành là 5% giá trị công trình bằng chứng thư bảo lãnh của ngân hàng.

Điều 6: Giá trị hợp đồng 1 m^2 (một) = 3.539.902 đồng.

Giá trị 199 m^2 x 3.539.902 đồng = 704.440.498 đồng

(Bảy trăm lẻ bốn triệu, bốn trăm bốn mươi ngàn, bốn trăm chín mươi tám đồng).

Bao gồm: Chi phí xây dựng, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và các chi phí khác có liên quan đến công trình theo quy định của pháp luật.

- Hình thức hợp đồng: hợp đồng trọn gói.

- Giá trị hợp đồng bao gồm toàn bộ các chi phí, thuế và phí theo qui định của pháp luật để thi công xây lắp hoàn chỉnh gói thầu theo khối lượng công việc tại mục 1 và không thay đổi trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng.

Điều 7: Tạm ứng và thanh toán hợp đồng.

- Tạm ứng theo tỉ lệ phần trăm tính trên chi phí xây dựng:

+ Đợt 1: tạm ứng 20% ngay sau khi ký hợp đồng.

+ Đợt 2: tạm ứng 20% khi ép xong cọc.

+ Đợt 3: tạm ứng 20% khi đổ xong sàn 1.

+ Đợt 4: tạm ứng 20% khi đổ xong sàn 2.

Sau khi công trình được nghiệm thu bàn giao, có chứng thư bảo lãnh của ngân hàng sẽ thanh toán hết phần còn lại 20%. Và 2 bên tiến hành thanh lý hợp đồng.

- Hình thức thanh toán: Bằng tiền mặt nộp vào tài khoản của Bên B tại ngân hàng BIDV có ghi trong hợp đồng hoặc bằng chuyển khoản vào tài khoản trên.

- Đồng tiền thanh toán là đồng tiền Việt Nam.

- Khi đến hạn thanh toán tạm ứng vốn lần 2 trở đi Bên B sẽ có thông báo gởi cho Bên A, kể từ ngày nhận thông báo trong vòng 10 ngày thì Bên A phải thanh toán vốn cho Bên B, nếu quá 10 ngày thì Bên A phải thanh toán lãi cho Bên B là 1,5%/tháng/số tiền chậm thanh toán.

Điều 8: Các biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng.

Bên B tự bỏ vốn ra để hoàn thành hợp đồng.

Điều 9: Tranh chấp và giải quyết tranh chấp.

Trong trường hợp có vướng mắc trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên nỗ lực tối đa, chủ động bàn bạc để tháo gỡ giải quyết, nếu không hòa giải được thì Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế giải quyết là quyết định cuối cùng các bên phải tuân thủ.

Điều 10: Hủy bỏ hợp đồng.

a/ Một bên có quyền hủy hợp đồng nếu bên kia vi phạm hợp đồng rõ ràng được xác định, và bên vi phạm phải bồi thường mọi thiệt hại kinh tế cho bên kia.

b/ Bên hủy hợp đồng phải thông báo cho bên kia biết về việc hủy hợp đồng trước 15 ngày đến 30 ngày nếu không thông báo thì mọi tổn thất do việc hủy hợp đồng gây ra thì bên hủy sẽ bồi thường cho bên kia.

Điều 11: Quyền và nghĩa vụ của Bên B.

- Thực hiệm nghiêm chỉnh các điều khoản đã nêu trong hợp đồng.

- Có trách nhiệm quản lý, đảm bảo trật tự, an ninh và an toàn lao động, vệ sinh trên công trường và môi trường xung quanh trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng. Có trách nhiệm bảo mật hồ sơ công trình.

- Chịu sự kiểm tra giám sát của Bên A.

<u>Điều 12</u>: Quyền và nghĩa vụ của Bên A.

- Bàn giao mặt bằng thi công theo đúng hợp đồng cho Bên B.

- Thông qua Ban QLDA các CTXD kiểm tra xác nhận nhật ký công trình.

- Thanh toán và tạm ứng vốn cho Bên B đúng thời gian và thỏa thuận hợp đồng.

- Hợp tác với Bên B liên hệ với các cơ quan chức năng để giải quyết kịp thời các vướng mắc trong quá trình thi công.

- Cử giám sát thường xuyên tại công trình khi cần thiết để xác nhận các công việc thi công.

<u>Điều 13</u>: Điều khoản chung.

Hai bên cam kết thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung trong hợp đồng này trong suốt quá trình thi công đến khi hoàn thành, không bên nào được tự ý thay đổi hoặc làm trái. Bên nào tự ý làm trái gây thiệt hại cho bên kia thì chịu bồi thường mọi tổn thất.

Hợp đồng được lập thành 07 bản, Bên A giữ 03 bản Bên B giữ 04 bản và có hiệu lực kể từ ngày ký kết.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
	M.S.D.N: 2200161696 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TNHH THỐNG NHẤT - T.P SÓC TRĂNG - T. SÓC TRĂNG
	GIÁM ĐỐC
	Lê Hữu Dinh

XÁC NHẬN CỦA

UBND PHƯỜNG 3